

Thụy Khuê

Sóng từ trường II

Cổ dao Cung Trầm Tưởng

Cung Trầm Tưởng gắn bó với giai đoạn đầu của thời chia đôi đất nước, qua thi tập **Tình Ca**, mười ba bài mà Phạm Duy đã phổ nhạc năm bài, đó là *Mùa Thu Paris*, *Kiếp Sau*, *Về Đây*, *Khoác Kín* (Phạm Duy đổi là *Chiều Đông*) và *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* (Phạm Duy đổi thành *Tiểu Em*). Tất cả năm bài đều thuộc vào những bài thơ phổ nhạc tiêu biểu cho sự gặp gỡ giữa thi ca và âm nhạc ở cung cao sáng tạo.

Trong năm bản nhạc thơ ấy, có **Kiếp Sau** ít nổi tiếng hơn cả, nhưng lại là bài hay nhất. Thơ Cung Trầm Tưởng, nhạc Phạm Duy và tiếng hát Thái Thanh kết hưởng thành một thể toàn bích, gói trọn thiên thu trong khoảnh khắc. Nhạc Phạm Duy và giọng hát Thái Thanh, không lạ gì với thính giả, duy có chất *Thơ* trong bài **Kiếp Sau**, riêng nó đã đạt tới đỉnh nghệ thuật nhưng ít ai đề cập.

Bài thơ rất ngắn, sau này Cung Trầm Tưởng có viết lại hai version khác, nhưng có lẽ vẫn không vượt được bản đầu in năm 1959 ở Sài Gòn:

*Bù em một thoáng trời gần,
đơm hoa kết mộng cũng ngàn ấy thôi!
Bù em góp núi chung đôi
thieu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ
Bù em xuôi có ngàn thơ,
vẫn nghe trác trở bên bờ sông thương
Quên thôi, bông sẽ phai hường,
mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu.
Non sông bóng mẹ sầu u,
mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái sầu
Thôi em xanh mắt bỏ câu,
vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau...*

Kiếp Sau làm năm 1956. Hơn bốn mươi năm. Không một vết nhăn.

Trò chuyện về thơ tức là chuyện trò với *chữ* -vấn đề *ngữ sự*- nói như Cung Trầm Tưởng.

Trước hết là chữ **bù**. *Bù em*. Phạm Duy có lẽ vì nhu cầu âm nhạc đã đổi ra **đền**. *Đền em*, nũng nịu, Tây hơn, hợp thời hơn, nhưng **Bù em**, mới hiếm, mới Việt. Chữ *đền* có nghĩa đổi trao, lấy đi rồi đền lại. Chữ *bù* chỉ thấy *cho*, chỉ *"lấp đầy"*. Nguyên lý *lấp đầy* lại rất phụ nữ, rất nhục cảm, rất Sartrien, rất Cung Trầm

Tưởng. Bù lại gần với âm *bu*. **Bu** là gọi mẹ theo tiếng quê ta. Một người "Tây con" như Cung Trầm Tưởng thời ấy, làm thơ tặng những em "*tóc vàng sợi nhỏ*" mà lại viết **Bù** em thật tuyệt.

Nhưng Phạm Duy có lý khi ông đổi lại là *đền em*. Ai cũng hiểu. Ở Phạm Duy là ý thức cộng đồng, ý thức dân ca, ở Cung Trầm Tưởng là ý thức biệt dã, ý thức thi ca. *Bù em* là ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ *bùa chú* khác lạ, không giống ai: Ngôn ngữ vừa được nhà thơ tác tạo. Cả bài thơ có hơi cổ điển, có hồn ca dao. Nhưng không phải ca dao thuần túy mà là ca dao đã hóa thân, cổ điển đã tực lụy.

Thiên nương đốt lá cũng rồi hoang sơ

Các cụ xưa đâu viết thế. Các cụ môn đăng hộ đối, đâu có thầy bình dân "*cũng rồi*" ngòi chung chiếu với quý tộc "*thiên nương*". Rồi lại:

Thôi em xanh mắt bồ câu

Ca dao đâu viết thế. Ca dao thường trực tiếp, dễ hiểu: *Em thôi, mắt xanh, hay mắt em, thôi xanh* v.v... Nên khi gặp *thôi em xanh mắt* người đọc lạc vào mê đạo. *Mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu*

Toàn thể câu thơ là một bể hoang đường, lạc đất.

Tất cả những "*cũng rồi*", "*mà xưa*", "*nghe dường*" gieo vào câu thơ ở những chỗ bất ngờ nhất, làm lỗi nhịp, làm đảo thân lục bát, phát sinh một hồi âm mới: Wagner hay Mozart? Phạm Duy hay Văn Cao? Có hết. Tất cả đồng quy ở tiếng gọi *thiên thu* hay tất cả đều đã *hoang sơ*?

Cung Trầm Tưởng đã xướng lên một thứ cổ dao hiện đại:

Non sông bóng mẹ sầu u

Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái sầu

Những tiết tổ âm nhạc, quá khứ, hiện tại, không gian, thời gian, ẩn hiện, giao tỏa với nhau. Những hình ảnh sáo mòn như "*đom hoa kết mộng*", "*sông Thương trác trở*" được hồi sinh trong một kiếp mới, nhờ cách xếp câu, đảo tứ:

*Bù em một thoáng trời gần,
đom hoa kết mộng cũng ngàn ấy thôi!
Bù em góp núi chung đời
thiên nương đốt lá cũng rồi hoang sơ
Bù em xuôi có ngàn thơ,
vẫn nghe trác trở bên bờ sông thương*

Những cách treo chữ: *cũng rồi, cũng ngàn*..., buông chữ: *bù em, thôi em*..., đảo chữ: *mòn trông*..., hoặc tạo cảnh: *chiều lu mái sầu*... đều có tính cách phá tán âm thanh lục bát, phá tan nội dung ca dao để tạo ra, về mặt thời gian, một tiếng gọi từ ngàn xưa vọng lại, về mặt âm thanh và tư tưởng, một khúc điệu mới, phong liệm *nỗi buồn nguyên thủy*, rồi nghiền tán nó ra, rắc vào không gian, gieo vào vũ trụ, tạo ra một môi trường buồn âm nhạc:

*Ngày đi, chiều tới không nghiêm,
khoan thai gió cõi phong niêm rĩ buồn
Bờ nghiêng nắng gióc đường thôn,*

thiết tha tiếng cũ nghe luôn không trung.
(Về Đây)

Trong bài *Bémol*, *Buồn* lại rơi theo nhịp khác, như nốt nhạc bị giam cầm:
Chiều buồn lạc thanh âm
Hoang sơ vào khuya tối
Linh hồn tôi dương cầm

Bài *Khoác Kín* cũng là một trong những giá trị độc đáo của thi ca Cung Trầm Tưởng mà Phạm Duy đã phổ nhạc và đổi tên thành *Chiều Đông* (Phạm Duy có tài lựa những tuyệt tác của mỗi tác giả để đưa vào cung bậc âm thanh). *Khoác Kín* cũng là một bài thơ ngắn, nhưng mỗi câu, mỗi chữ đều là những giọt tuyết lệ của thời gian, nhỏ trong không gian tàn tạ:

Chiều đông tuyết lũng âm u
bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn
Nhớ ngày tàu cũng đi luôn,
ga thôn trơ nổi, băng nguồn héo hon.
Phường xa nhịp sắt bon bon,
tàu như dưới tỉnh, núi còn vọng âm.
Sân ga mái giọt âm thâm:
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào?
Mình tôi với tuyết non cao;
với còn phố tịnh buốt vào xương da;
với mây trên nhợt ánh tà;
với đèn xóm hạ cũng là tịch liêu.
Tôi về bước bước dẫm chiều,
tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.

Giọng buồn Cung Trầm Tưởng, thời 55-60, đã khác hẳn giọng sầu Huy Cận trong thời thơ mới. Cung Trầm Tưởng đem lại một cô đơn mới: Cô đơn hiện sinh. Cô đơn của con người trong **sự nhận thức** lại chính mình. Cô đơn của một Roquentin trực diện với "bản lai chân diện mục" của mình trước gương soi mới, soát lược. Cô đơn của gã tử tù Meurseult, xa lạ với loài người:

Hoang liêu về chết tha ma
Tiếng chân gõ guốc người xa vắng người
(Tương Phản)

Và chắc hẳn Wagner dưới tuổi vàng cũng đã có phần nào trách nhiệm trong cách biến tấu nhịp điệu thể xác và linh hồn lục bát Cung Trầm Tưởng.

*

Cung Trầm Tưởng những năm cải tạo đã thay đổi quan niệm sáng tác, trữ tình chuyển sang dân thân:

"Người thơ xưa nói lên tâm thức bộ lạc. Người thơ từ "cải tạo" bây giờ, một nạn nhân kiêm chứng nhân, nói lên tâm thức cộng đồng của những người tù cải tạo. Cái tâm thức sâu thẳm, lên men từ khổ đau, thúc trưởng bởi bản năng tập quán, xúc tác ra một nhân gian thuần nhất, nên cộng hòa của những người anh em đồng cảnh, những người tù cùng khổ." (Ainsi parlait le poète)

Từ một quan niệm thơ như thế, lục bát Cung Trầm Tưởng, bài *Nguyện Cầu Mùa Thu*, làm ở Hoàng Liên Sơn, thu 77, có những câu:

*Áo tù thâm máu đôi vai
Bàn chân nửa chém, vành tai gió lùa
Ngó tay bỗng thấy già nua
Cửa êm thân xác mấy mùa thu qua
Môi cần, má hóp thịt da
Ngó voi miệng chén, canh pha nước bùn
Đêm nằm ruột rỗng vai run
Đầu kê tiếng suối, chân đùn bóng đêm*

Cung Trầm Tưởng thơ tù trở thành hiện thực. Rất hiện thực, nhưng không phải lúc nào cũng hiện thực. Những mộng, mơ, những trữ tình bị kìm hãm trong lao lý nhưng khó thoát khỏi bản năng. Cung Trầm Tưởng thơ tù, có mộng, có mơ, nhưng lại là những cơn ác mộng mà vẫn có cái ngất ngư, cao đạo của tâm hồn:

*Sớm đi đội gió đỉnh đầu
Tưởng như hồn chết giữa vầu nửa khô
Đường lên dang nửa nhấp nhô
Ngả nghiêng mây núi, lệch xô đất trời*
(Đường lên dang nửa)

Mười năm lao cải luyện thép cho thơ. Thơ ông đanh hơn. Như thể muốn thổi bể thời gian, luyện quánh nỗi đau trong tiếng *hồ địa phủ*:

*Mồ dẹt thời gian xe hủ lô
Sương tang sô xóa bật sông hồ
Niềm đau sờ thấy hồn vong tộc
Nham nháp trời và sần đất thô*

Con đường mười năm đã vùi chôn những ngày thơ, những tin yêu, những nhẹ dạ xưa, và đưa thi ca vào một lộ trình gai góc, lộ trình heo hút, lộ trình tang trắng mà thơ là sự cô đọng những tang thương, khắp liềm trong lòng người tù cải tạo:

*Và đi cho tới cùng đường
Của heo hút xứ khôn lường khổ đau
Thoát đi tóc đã phai màu
Như nghìn tang trắng quán đầu vi lô
Chiều tê sương sập nắm mồ
Vùi chôn chú bé hồ đồ năm xưa.*

Paris, tháng 10/1999
Thụy Khuê

© 1995-2001 Thụy Khuê

Nguồn: <http://chimviet.free.fr/vanhoc/thuykhue/stt2/CTT01.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN
www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9000 TÁC PHẨM